|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

|  |
| --- |
| **DANH MỤC II****Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước** **của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai năm 2022** *(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)* |
|  |
|  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Tên, loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành; tên gọi của văn bản** | **Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực** | **Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực** | **Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực** |
| **A. HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN** |
| **I. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (01 Quyết định)** |
| 1 | Quyết định | 59/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | Khoản 2 Điều 8, Điều 12 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai | 15/02/2022 |
| **II. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (02 Nghị quyết, 01 Quyết định)** |
| 1 | Nghị quyết  |  203/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | Điều 7, Điều 9, Điều 11, Điều 14, Điều 17 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 18/7/2022 |
| 2 | Nghị quyết  |  103/2013/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điều 11, Điều 12 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 18/7/2022 |
| 3 | Quyết định | 40/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai | Khoản 2 Điều 1 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai | 20/10/2022 |
| **III. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (01 Nghị quyết, 01 Quyết định)** |
| 1 | Nghị quyết  |  10/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ hỗ trợ ngư dân chấm dứt sử dụng nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | Bãi bỏ từ "đăng" tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 1 và điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 2,khoản 2 Điều 3 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ hỗ trợ ngư dân chấm dứt sử dụng nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 18/7/2022 |
| 2 | Quyết định | Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | Tên Phụ lục IV | Được sửa đổi bởi Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi tên Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 10/12/2022 |
| **V. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (03 Nghị quyết, 01 Quyết định)** |
| 1 | Nghị quyết  |  13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh quy định phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | Mục IV Phụ lục I, Mục IV Phụ lục II kèm theo khoản 6 Điều 1 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 01/8/2022 |
| 2 | Nghị quyết  |  16/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác sử dụng nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | Điểm d khoản 4 Điều 1 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 01/8/2022 |
| 3 | Nghị quyết  |  01/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai | Điều 2 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Điều 2 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai | 02/10/2022 |
| 4 | Quyết định | 11/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | Khoản 2 Điều 5 | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 58/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành | 31/12/2022 |
| **B. NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN** |
| **I. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (02 Quyết định)** |
| 1 | Quyết định | 19/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các phương tiện tham gia giao thông đối với dự án Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng tại phường Phước Tân và phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo hình thức PPP, hợp đồng BOT | Khoản 4 Điều 1  | Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi nội dung bảng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai | 01/02/2022 |
| 2 | Quyết định | 16/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các phương tiện tham gia giao thông đối với dự án đầu tư xây dựng đường 319 nối dài và nút giao với đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT | Khoản 4 Điều 1  | Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi nội dung bảng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai | 01/02/2022 |
| **Tổng số: - 10 văn bản hết hiệu lực một phần, trong đó gồm: 06 Nghị quyết, 04 Quyết định- 02 văn bản ngưng hiệu lực một phần, gồm: 02 Quyết định** |